

## NỘI DUNG ÔN THI

### MÔN NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### **Kết cấu đề thi - Môn : NV NHTM**

Thời gian thi : 120 – 180 phút

Hình thức thi : Tự luận - Không sử dụng tài liệu

#### **NỘI DUNG:**

Phần 1 : Lý thuyết

Phần 2 : Bài tập và bài giải

#### **Phần 1: Lý thuyết**

**1/ NHTM là gì? Hoạt động ngân hàng là gì ? Tổ chức tín dụng là gì ? tổ chức tín dụng bao gồm những đơn vị nào ?**

\* Ngân hàng thương mại là loại hình tổ chức tín dụng (TCTD) được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan nhằm mục tiêu lợi nhuận.

\* Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

“ TCTD là doanh nghiệp được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng.

“ TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân”

– **TCTD phi ngân hàng** bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các TCTD phi ngân hàng khác. TCTD phi ngân hàng không được nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng.

– **Tổ chức tài chính vi mô** là loại hình TCTD chỉ phục vụ nhu cầu của cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ.

– **Quỹ tín dụng nhân dân** là TCTD được thành lập dưới hình thức hợp tác xã với mục tiêu chủ yếu là tương trợ phát triển sản xuất kinh doanh, đời sống giữa các thành viên (cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình).

**2/ Huy động vốn: Khái niệm, đặc điểm ?**

### **\* Khái niệm**

- HĐV là 1 nghiệp vụ tạo nên nguồn vốn kinh doanh của NHTM thông qua việc ngân hàng nhận ký thác và quản lý các khoản tiền từ khách hàng theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- Số vốn NH huy động được là nguồn vốn từ các chủ thể khác ở bên ngoài, các chủ thể đó ký thác các tài sản bằng tiền của mình cho ngân hàng và ngân hàng khi tiếp nhận được tạm thời quản lý và sử dụng số vốn đó cho hoạt động kinh doanh của mình.

### **\* Đặc điểm : 5 đặc điểm**

- Chủ thể tham gia: có 2 chủ thể là khách hàng (tổ chức, cá nhân) và ngân hàng thương mại tạo ra sản phẩm HĐV và tiếp nhận tiền của KH
- Hình thức huy động vốn: phong phú và đa dạng để đáp ứng nhu cầu gửi tiền như để thanh toán, sinh lợi, an toàn, ...
- Tính hoàn trả khi KH phát sinh nhu cầu rút vốn.
- Nguồn vốn huy động chiếm tỷ trọng lớn trong ngân hàng (80→90%) để tạo lập nguồn vốn trong ngân hàng sử dụng trong kinh doanh.
- Việc huy động vốn phụ thuộc vào tín nhiệm của ngân hàng, không có tín nhiệm sẽ không thu hút được tiền gửi.

### **3/ Tiền gửi không kỳ hạn: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng, tiện ích, theo dõi và quản lý tài khoản ?**

**\* Khái niệm:** TG KKH là loại tiền gửi mà khi gửi vào NH, KH được sử dụng khoản tiền gửi đó vào bất cứ thời điểm nào để phục vụ cho nhu cầu thanh toán của KH.

#### **\*Đặc điểm:**

- Rất linh hoạt: gửi, rút bất cứ lúc nào.
- Không thỏa thuận thời điểm rút tiền cụ thể.
- Không hạn chế số lần gửi tiền, số lần rút tiền.

**\*Đối tượng:** là các tổ chức và cá nhân có nhu cầu thanh toán qua ngân hàng

#### **\* Tiện ích:**

- Linh hoạt : gửi , rút bất cứ lúc nào.
- Được sử dụng dịch vụ thanh toán qua NH
- Ngân hàng có thể cấp hạn mức thấu chi

- Dùng tài khoản để xác nhận thu nhập của KH

- Dùng để giải ngân và thu nợ.

**\* Theo dõi và quản lý tài khoản:**

- Đối với GD nộp tiền vào TK thì NH sẽ hạch toán vào bên Có TKTG và báo có cho KH.

- Đối với GD rút tiền từ TK thì NH sẽ hạch toán vào bên Nợ TKTG và báo nợ cho KH.

**4/ TG có kỳ hạn**

**\* Tiền gửi có kỳ hạn:** Là loại tiền gửi mà khách hàng chỉ gửi vào NH trong một khoảng thời gian xác định.

**\* Đặc điểm:**

- KH thỏa thuận cụ thể thời điểm rút tiền.

- KH chỉ được rút tiền sau khi hết một kỳ hạn theo thỏa thuận.

- Khi phát sinh nhu cầu rút trước hạn, KH phải thông báo với NH, chỉ được rút trước hạn khi NH đồng ý.

- Khi đáo hạn, KH không rút tiền thì NH sẽ tái tục cho KH một kỳ hạn mới tương ứng với kỳ hạn ban đầu.

- Mỗi lần gửi phải ký một hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

- Số tiền gửi thỏa thuận trong HĐTG được nộp vào tài khoản tại NH 1 lần.

Đối tượng: chỉ có KH doanh nghiệp

**\* Tiền ích:** Sinh lời, An toàn, Cầm cố, chứng minh năng lực tài chính.

**Đối tượng:** chỉ có KH doanh nghiệp

**\* Tiền ích:** Sinh lời, An toàn, Cầm cố, chứng minh năng lực tài chính.

**\* Thanh toán:**

- *Số tiền gửi ban đầu:* NH thanh toán một lần khi khách hàng có nhu cầu rút tiền.

- *Tiền lãi:* NH trả lãi một lần cùng với vốn gốc vào thời điểm khách hàng rút tiền hoặc trả lãi định kỳ mỗi tháng một lần theo ngày gửi.

**5/ Tiền gửi tiết kiệm**

\* **Tiền gửi tiết kiệm:** là khoản TG của các tầng lớp dân cư gửi vào tài khoản tiết kiệm tại NH, nhằm mục đích sinh lời và tích lũy các khoản thu nhập nhàn rỗi.

\* **TK KKH:** là loại tiền gửi tiết kiệm mà KH được rút tiền bất cứ lúc nào khi có nhu cầu.

Đặc điểm:

- Đối tượng khách hàng: Cá nhân có tiền nhàn rỗi nhưng chưa có kế hoạch sử dụng số tiền này trong tương lai.

- Mục đích của người gửi tiền: an toàn, sinh lợi, tích lũy.

- Người gửi tiền có thể rút tiền bất kỳ lúc nào do đó NH trả lãi suất thấp

**Thanh toán:**

- *Vốn gốc:* NH chi trả vốn gốc theo yêu cầu rút tiền từng lần của khách hàng.

- *Tiền lãi:*

+ NH trả lãi định kỳ mỗi tháng một lần theo ngày quy định hoặc

+ NH trả lãi mỗi khi phát sinh giao dịch. Tiền lãi được tính theo số dư thực tế trên TK tiết kiệm.

**Tlãi = Số tiền gửi tt \* số ngày tính lãi \* LSTK**

n khi khách hàng rút tiền hoặc trả lãi định kỳ mỗi tháng một lần theo ngày.

**Phần 2: bài tập và bài giải**

**Bài 1 – bài tập về TGTT:**

Thông tin về tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của một khách hàng trong tháng 3/2011 như sau:

- Số dư đầu kỳ: 15.000.000

- Các nghiệp vụ phát sinh trong tháng

Ngày	Nội dung	Số tiền
10/03	<i>Nộp tiền mặt vào tài khoản</i>	6.000.000
15/03	<i>Thanh toán tiền điện thoại</i>	500.000
23/03	<i>Nhận tiền lương tháng 3</i>	9.000.000

**Yêu cầu:** Tính lãi tiền gửi của khách hàng trong tháng 3.

Biết rằng: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 4%/năm. Ngân hàng tính lãi vào ngày 25 mỗi tháng

giải

Di: Số dư thực tế trên tài khoản.

$$I = \sum_{i=1}^n D_i * N_i * r$$

Ni: Số ngày duy trì số dư  $D_i$ .

r : Lãi suất TG KKH (ngày)

Ngày	so du	Số ngày	tich so	TIEN LAI
26-02 → 09/03/11	15,000,000	12	180,000,000	
10-03 → 14/03	21,000,000	5	105,000,000	
15-03 → 22/03	20,500,000	8	164,000,000	
23-03 → 25/03	29,500,000	3	88,500,000	
			<b>537,500,000</b>	<b>59,722</b>
	<b>29,559,722</b>			

## Bài 2 – Bài tập về tiền gửi tiết kiệm

Ngày 15/05/2005 ông An đến NH X gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng số tiền 200 triệu đồng, với LS TGTK có KH 3 tháng là 0,5%/tháng, trả lãi cuối kỳ.

**Hãy tính ông An sẽ nhận được bao nhiêu tiền vào ngày đáo hạn (15/08/2005)?**

Bài làm:

Ta có:  $r = 0.5\%$  /tháng

$PV = 200.000.000$

Số ngày tính lãi từ 15/05/2005 đến ngày 15/08/2005 là :

**Tháng 5 có 17:** 15/5 → 31/5

Tháng 6 có 30 ngày

Tháng 7 có 31 ngày

Tháng 8 có 14 ngày (tính đến ngày đáo hạn): **01/08 → 14/08**

Tổng số ngày tính lãi **92 ngày**

**Tlãi = ST x SN duy trì số dư x LNgày**

$200.000.000 \times (1 + 92 \times 0.5\%/30) = 203.066.666 \text{ đ}$

Như vậy Ông sẽ nhận được vốn và lãi là 203.066.666

### **Bài 3 – Bài tập về chiết khấu GTCG có sinh lời và gtcg không sinh lời**

**Công ty Trường Thịnh sở hữu một lô Trái phiếu Chính phủ gồm 4 loại sau đây:**

#### **\* Trái phiếu A:**

Mệnh giá: 500.000.000

Thời hạn: 3 năm

L/s : 10% năm trả một lần khi đáo hạn

Ngày phát hành: 20/09/2006

Ngày đáo hạn: 20/09/2009

#### **\* Trái phiếu B:**

Mệnh giá: 600.000.000

Thời hạn: 3 năm

L/S : 9,6% năm trả định kỳ hàng năm

Ngày phát hành và ngày đáo hạn như TP A

#### **\* Trái phiếu C:**

Mệnh giá: 700.000.000

Thời hạn: 3 năm

L/s : 9% năm trả trước hàng năm

Ngày phát hành và ngày thanh toán như TP A

#### **\* Trái phiếu D:**

Mệnh giá: 800.000.000

Thời hạn: 3 năm

L/s : 8,5% năm trả trước một lần

Ngày phát hành và ngày thanh toán như TPA

Vào ngày 18/4/2009, do cần vốn để kinh doanh Công ty Trường thịnh mang lô Trái phiếu đến Ngân hàng K xin chiết khấu.

Sau khi thẩm định lô Trái phiếu này, Ngân hàng K đã đồng ý nhận chiết khấu ngay trong ngày với L/s 1%/tháng, hoa hồng phí là 0,4%.

### **Yêu cầu:**

- 1/ Xác định giá trị chiết khấu lô TP nói trên.
- 2/ Xác định thời hạn chiết khấu ( Thời hạn hiệu lực còn lại của lô TP)
- 3/ Tính số tiền chiết khấu Ngân hàng K được hưởng.
- 4/ Tính số tiền Ngân hàng K phải thanh toán cho Công ty Trường Thịnh.
- 5/ xác định xem, vào thời gian nào, Ngân hàng K sẽ phải xuất trình lô TP cho ai và được thanh toán bao nhiêu tiền.

### **Bài làm**

#### **1 Xác định giá trị chiết khấu lô TP nói trên**

$$TP A = 500.000.000 + (500.000.000 \times 3 \times 10\%) = 650.000.000đ$$

$$TP B = 600.000.000 + (600.000.000 \times 1 \times 9,6\%) = 657.600.000$$

$$TP C = 700.000.000 đ$$

$$TP D = 800.000.000đ$$

$$\text{Tổng giá trị chứng từ} = 2.807.600.000đ$$

#### **2/ Xác định thời hạn chiết khấu** ( Thời hạn hiệu lực còn lại của lô TP)

$$\text{Từ ngày 18/4/2009 đến 19/9/2009} = 155 \text{ ngày}$$

#### **3/ Tính số tiền chiết khấu Ngân hàng K được hưởng.**

$$\text{Tiền CK HP} = \text{Trị giá chứng từ} \times \text{Thời hạn CK} \times \text{LSCK}$$

n

$$= 2.807.600.000 \times 155 \times 1\%/30 = 145.059.333đ$$

$$\text{Hoa hồng chiết khấu} = \text{Trị giá chứng từ} \times \text{Tỷ lệ hoa hồng}$$

$(500.000.000 + 600.000.000 + 700.000.000 + 800.000.000) \times 0.4\% = 10.400.000đ$

Số tiền ngân hàng được hưởng =  $145.059.333 + 10.400.000 = 155.459.333đ$

**3/ Tính số tiền NH K phải thanh toán cho Cty Trường Thịnh**

=  $2.807.600.000 - 155.459.333 = 2.652.140.667 đ$

**4/ xác định xem, vào thời gian nào, Ngân hàng K sẽ phải xuất trình lô TP cho ai và được thanh toán bao nhiêu tiền.**

Tên CCCN	Ngày xuất trình	Đối tượng xuất trình	Số tiền
TP A	20/9/2009	Cty trường thịnh	650.000.000
TP B	20/9/2009	Cty trường thịnh	657.600.000
TP C	20/9/2009	Cty trường thịnh	700.000.000
TPD	20/9/2009	Cty trường thịnh	800.000.000

**Bài 4 – bài tập đánh giá khả năng trả nợ**

Dự án đầu tư SDK của Công ty Đại Dương có tổng dự toán là 20.000.000. Chủ đầu tư có vốn tự có tham gia vào dự án là 3.000.000, nhập khẩu máy móc thiết bị trả chậm trong 5 năm là 5.000.000, số còn lại Công ty xin vay Ngân hàng.

**Yêu cầu:**

1/ Xác định hạn mức tín dụng cho dự án nói trên, biết rằng dự án đã được thẩm định có tính khả thi.

2/ Giả sử hạn mức nói trên được chấp nhận và được giải ngân 6 đợt như sau:

- Đợt 1: ngày 01/06/2008                      Số tiền : 2.000.000
- Đợt 2: ngày 21/07/2008                      Số tiền : 2.000.000
- Đợt 3: ngày 20/08/2008                      Số tiền : 1.000.000
- Đợt 4: ngày 29/09/2008                      Số tiền : 3.000.000
- Đợt 5: ngày 29/10/2008                      Số tiền : 2.000.000
- Đợt 6: ngày 28/11/2008                      Số tiền : 2.000.000

Công trình hoàn thành vào ngày 15/02/2009. **Tính tiền lãi phát sinh trong thời gian thi công.** Biết rằng L/S cho vay là 1,5% /Tháng (lãi không nhập vốn).



3/ Xác định tổng dư nợ cuối cùng của dự án, biết rằng: hai bên thống nhất nhập lãi thi công vào vốn.

4/ Lập bảng kê trả nợ, biết rằng: thời gian trả nợ được ấn định là 5 năm, mỗi năm trả nợ một lần vào cuối kỳ, gốc trả đều, lãi tính theo số dư giảm dần, với lãi suất 18%/năm.

5/ Theo bảng cân đối thu chi khi đưa dự án vào sử dụng, thì EBIT từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 lần lượt là: 2.500.000; 2.700.000; 2.800.000; 2.600.000 và 2.400.000.

- Thuế thu nhập phải nộp với thuế suất 25%/năm.

- Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ 30% còn lại được dùng để trả nợ ngân hàng.

Thời hạn khấu hao tài sản cố định khi đưa vào sử dụng là 6 năm theo phương pháp tuyến tính, bên vay chỉ được sử dụng tiền khấu hao tài sản cố định hình thành bằng vốn vay để trả nợ ngân hàng. **Hãy đánh giá khả năng trả nợ của dự án và cho nhận xét.**

### Bài làm

1/ Xác định hạn mức tín dụng cho dự án nói trên, biết rằng dự án đã được thẩm định có tính khả thi.

$$\text{HMTD} = \text{Tổng dự toán chi phí} - \text{NV đầu tư tự có} - \text{NV khác}$$

$$= 20.000.000 - 3.000.000 - 5.000.000 = 12.000.000đ$$

2/ CT HT 15/02/2009. Tính tiền lãi TG thi công. L/SCV 1,5%, lãi không nhập vốn

Ngày	Số dư (Đi)	Số ngày (Ni)	Tích số = (Đi x Ni)	Tiền Lãi = (Đi x Ni) x LS/30
01/6/08 → 20/07/08	2,000,000	50	100,000,000	
21/7/08 → 19/08/08	4,000,000	30	120,000,000	
20/8/08 → 28/09/08	5,000,000	40	200,000,000	
29/9/08 → 28/10/08	8,000,000	30	240,000,000	
29/10/08 → 27/11/08	10,000,000	30	300,000,000	
28/11/08 → 14/02/08	12,000,000	79	948,000,000	
15/2/09	12,000,000	1	12,000,000	
<b>Tổng</b>	<b>53,000,000</b>	<b>260</b>	<b>1,920,000,000</b>	<b>960,000</b>

3/ Xác định dư nợ cuối cùng của dự án, nhập lãi thi công vào vốn

$$12.000.000 + 960.000 = 12.960.000$$

**4/ Lập bảng kê trả nợ, biết: thời gian trả nợ được ấn định là 5 năm, mỗi năm trả nợ một lần vào cuối kỳ, gốc trả đều, lãi tính theo số dư giảm dần, với LS 18%/năm.**

Gốc trả hàng năm = Tổng số nợ phải trả (dư nợ cuối cùng) / số năm trả nợ

$$= 12.960.000 / 5 = 2.592.000$$

Tiền lãi năm 1:  $12.960.000 \times 18\% = 2.332.800$

Tiền lãi năm 2:  $(12.960.000 - 2.592.000) \times 18\% = 1.866.240$

Tiền lãi năm 3:  $(12.960.000 - 2.592.000 \times 2) \times 18\% = 1.399.680$

Tiền lãi năm 4:  $(12.960.000 - 2.592.000 \times 3) \times 18\% = 933.120$

Tiền lãi năm 5:  $(12.960.000 - 2.592.000 \times 4) \times 18\% = 466.560$

Năm	Ngày trả	Nợ phải trả			
		Vốn gốc	Lãi phát sinh	Tổng số	Dư nợ cuối kỳ
1	15/2/10	2,592,000	2,332,800	4,924,800	10,368,000
2	15/2/11	2,592,000	1,866,240	4,458,240	7,776,000
3	15/2/12	2,592,000	1,399,680	3,991,680	5,184,000
4	15/2/13	2,592,000	933,120	3,525,120	2,592,000
5	15/2/14	2,592,000	466,560	3,058,560	
	<b>Cộng</b>	<b>12.960.000</b>			

**5/ Theo bảng cân đối thu chi khi đưa dự án vào sử dụng, thì EBIT từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 lần lượt là: 2.500.000; 2.700.000; 2.800.000; 2.600.000 và 2.400.000. Thuế thu nhập phải nộp với thuế suất 25%/năm.**

Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ 30% còn lại được dùng để trả nợ ngân hàng. Thời hạn khấu hao tài sản cố định khi đưa vào sử dụng là 6 năm theo phương pháp tuyến tính, bên vay chỉ được sử dụng tiền khấu hao tài sản cố định hình thành bằng vốn vay để trả nợ ngân hàng. **Hãy đánh giá khả năng trả nợ của dự án và cho nhận xét.**

EBIT từ năm thứ 1 đến năm thứ 5 lần lượt là: 2.500.000 ; 2.700.000; 2.800.000; 2.600.000; 2.400.000

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 1</b>	<b>Năm 2</b>	<b>Năm 3</b>	<b>Năm 4</b>	<b>Năm 5</b>
1/ EBIT	2.500.000	2.700.000	2.800.000	2.600.000	2.400.000
2/ I (lãi)	2,332,800	1,866,240	1,399,680	933,120	466,560
3/ EBT = 1 – 2	167,200	833,760	1,400,320	1,666,880	1,933,440
4/ LNST = 3 x 75%	125.400	625320	1050240	1250160	1.450.080
LN dùng trả nợ = LNST * 70%	87.780	437.724	735.168	875.112	1.015.056
KH TSCĐ = 12.960.000 / 6	2.160.000	2.160.000	2.160.000	2.160.000	2.160.000

Số nợ trả hàng năm = 12.960.000 / 5 = 2.592.000

<b>Năm</b>	<b>Nguồn trả nợ</b>			<b>số nợ (vốn gốc)</b>	<b>Chênh lệch</b>
	<b>KHTSCĐ</b>	<b>LN dùng trả nợ</b>	<b>Tổng</b>		
1	2,160,000	87,780	2,247,780	2,592,000	-344,220
2	2,160,000	437,724	2,597,724	2,592,000	5,724
3	2,160,000	735,168	2,895,168	2,592,000	303,168
4	2,160,000	875,112	3,035,112	2,592,000	443,112
5	2,160,000	1.015.056	3,175,056	2,592,000	583,056

-----Hết-----